TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị K và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTK, sinh 1980, trú tại: Bản HT, xã CL, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVT (T), sinh 1980, trú tại: Bản HT, xã CL, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 19, Phân trại số 3 thuộc Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTK trình bày:

Chị và anh LVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 16/12/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVT nghiện ma túy và dẫn đến phạm tội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 19, Phân trại số 3 thuộc Trại giam Yên Hạ. Từ đó hai người sống không

quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTK xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Có bốn con là LTN, sinh ngày 13/6/1998, LTT, sinh ngày 21/5/2001, LVT, sinh ngày 31/7/2005, LVH, sinh ngày 29/7/2007. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh LVT cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVT trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTK và anh LVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTK. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có bốn con là LTN, sinh ngày 13/6/1998, LTT, sinh ngày 21/5/2001, LVT, sinh ngày 31/7/2005, LVH, sinh ngày 29/7/2007. Anh xác nhận hiện nay chị LTK đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi hai con là LVT, LVH nhưng để mẹ đẻ nuôi trong thời gian anh đi tù và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị LTK được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Giao cháu LVH, sinh ngày 29/7/2007 cho chị LTK trực tiếp nuôi dưỡng. Anh LVT không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTK chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh LVT đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập xét xử hợp lệ có xác nhận của Trại giam Yên Hạ. Các

đương sự đều có đề nghị xử vắng mặt, căn cứ quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTK và anh LVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVT nghiện ma túy, dẫn đến phạm tội. Hai người sống ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTK và anh LVT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTK yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTK được ly hôn anh LVT.

[3] Về con chung: Có bốn con là LTN, sinh ngày 13/6/1998, LTT, sinh ngày 21/5/2001, LVT, sinh ngày 31/7/2005. Ba cháu đã lớn trên 18 tuổi, đều có công việc và tự lập, nên không ai phải nuôi dưỡng. Cháu LVH, sinh ngày 29/7/2007. Hiện nay chị LTK đang nuôi con LVH, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh LVT cấp dưỡng. Căn cứ nguyện vọng của cháu LVH muốn ở với mẹ, cần chấp nhận giao cháu LVH cho chị LTK trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTK đã được giải thích thủ tục miễn án phí, chị không cần miễn án phí. Nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTK được ly hôn anh LVT (T).

2. Về con chung: Giao cháu LVH, sinh ngày 29/7/2007 cho chị LTK trực tiếp nuôi dưỡng. Anh LVT không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0001203 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị LTK, anh LVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã CL, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.